

Bản án số: 120/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 31 - 3 - 2021

“V/v ly hôn giữa

Bà Tố M và ông T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thúy Phượng.

Bà Huỳnh Thị Thể Phượng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân HUYỆN PHÚ T, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN PHÚ T, tỉnh An Giang tham gia phiên Tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân HUYỆN PHÚ T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 27/2021/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc *“Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình – ly hôn”* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tố M, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp Hiệp H, xã Hiệp X, HUYỆN PHÚ T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Mai Xuân T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp Bình Tr 1, xã Bình Thạnh Đ, HUYỆN PHÚ T, tỉnh An Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 05/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Trần Thị Tố M trình bày:

Bà M và ông T sau thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên tổ chức lễ cưới vào tháng 06 năm 2020 nhưng không đăng ký kết hôn. Chung sống hạnh phúc 06 tháng đầu, tại nhà Bà M nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do hai gia đình cùng ông T, Bà M không phù hợp cách sống với nhau nên thường xuyên cãi vã, không ai quan tâm đến ai. Tháng 12/2020 ông T bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm không còn Bà M xin ly hôn với ông T.

Con chung: Không.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải thu, phải trả chung: Không.

Ngày 16/03/2021 Bà Trần Thị Tô M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bảng tự khai ngày 16/03/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ông Mai Xuân T trình bày:

Ông T thống nhất lời trình bày của Bà M về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nay Bà M yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý. Do bận đi làm, xin vắng mặt cho đến khi Tòa án xét xử xong.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ thì được ông Trần Văn Cận – Trưởng ấp Bình Tr 1, xã Bình Thạnh Đ cho biết, Ông Mai Xuân T hiện có đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại ấp Bình Tr 1, Bình Thạnh Đ, HUYỆN PHÚ T, tỉnh An Giang, ông T làm nghề hớt tóc và lái xe tại địa phương. Về tình trạng hôn nhân của ông T, Bà M thì địa phương không rõ do họ không trình báo gì với ban ấp.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân của Bà M và ông T được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Ông T, Bà M đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ giữa Bà M và ông T là vợ chồng.

Về con chung, nợ chung: Không có;

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị Tô M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Ông Mai Xuân T nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Bình Tr 1, xã Bình Thạnh Đ, HUYỆN PHÚ T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân HUYỆN PHÚ T, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà M và ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử, quyết định xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà M và ông T chung sống vợ chồng năm 2020, không có đăng ký kết hôn. Bà M và ông T chung sống vợ chồng có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa Bà Trần Thị Tố M và Ông Mai Xuân T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Không.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

[5] Về nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không.

Ghi nhận Bà M và ông T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 14; Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa Bà Trần Thị Tố M và Ông Mai Xuân T là vợ chồng.

2. Về con chung: Không.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Về nợ phải thu, phải trả chung: Không.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Tố M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001828 ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự HUYỆN PHÚ T. Bà M không còn nộp thêm án phí.

Ông Mai Xuân T không phải chịu án phí.

Bà M, ông T vắng mặt tại phiên tòa, thời kháng cáo đối với bản án là 15 ngày tính từ ngày ông, bà nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN PHÚ T;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Thảo